

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH.**

Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Trụ sở chính : Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3567.200

Fax : 0650.3567.201

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Trương Đức Hùng**, Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Lô D_3_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3567.200

Fax : 0650.3567.201

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2014.**

Toàn văn "**Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2014**" được đăng trên website: www.becamexacc.com.vn

Công ty Cổ phần Bê tông Becamex xin trân trọng thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Bình Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG ĐỨC HÙNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website: www.becamexacc.com.vn;
- Lưu Vp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX
MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT QUÝ II
NĂM 2014

TRỤ SỞ CHÍNH:

- Trụ sở: Lô D_3_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – Tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0650.3567200
- Fax : 0650.3567201
- Email : becamexacc@gmail.com
- Website : www.becamexacc.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	6-7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	8-9
5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10-32
6. Phụ lục	33-36

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231,637,082,824	193,045,323,849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61,600,954,689	50,969,275,532
1. Tiền	111		41,600,954,689	17,969,275,532
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	33,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		123,801,525,795	113,737,607,955
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	123,808,166,169	114,166,427,442
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	323,822,196	355,607,238
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	453,964,155	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.5	(784,426,725)	(784,426,725)
IV. Hàng tồn kho	140		41,315,936,575	26,369,609,666
1. Hàng tồn kho	141	V.6	41,315,936,575	26,369,609,666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,918,665,765	1,968,830,696
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	4,277,969,247	1,966,830,696
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		377,732,342	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		48,762,711	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	214,201,465	2,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75,352,168,975	54,424,764,392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57,840,350,426	41,635,042,241
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	46,270,234,109	30,723,016,574
<i>Nguyên giá</i>	222		157,476,946,419	96,969,901,200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(111,206,712,310)	(66,246,884,626)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10,693,931,494	10,900,575,667
<i>Nguyên giá</i>	228		15,728,468,322	12,906,286,421
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5,034,536,828)	(2,005,710,754)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	876,184,823	11,450,000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14,097,500,000	12,450,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	14,097,500,000	12,450,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,414,318,549	339,722,151
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	396,927,378	339,722,151
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	973,818,771	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	2,043,572,400	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		306,989,251,799	247,470,088,241

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		102,184,617,248	49,694,655,209
I. Nợ ngắn hạn	310		102,184,617,248	49,694,655,209
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.16	62,349,107,076	43,110,040,638
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1,203,374,675	145,629,077
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.18	2,512,768,250	2,096,769,362
5. Phải trả người lao động	315	V.19	2,634,851,871	1,838,016,113
6. Chi phí phải trả	316	V.20	6,139,109,505	380,309,091
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	27,336,602,203	1,266,712,683
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	8,803,668	857,178,245
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181,763,872,921	197,775,433,032
I. Vốn chủ sở hữu	410		181,763,872,921	197,775,433,032
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,527,143,181	1,527,143,181
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		9,055,511,950	9,055,511,950
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	33,161,532,710	33,161,532,710
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	14,643,623,536	14,643,623,536
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.23	23,376,061,544	39,387,621,655
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	23,040,761,630	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		306,989,251,799	247,470,088,241

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng




Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60,993,387,835	102,278,706,030	134,601,885,893	218,541,740,721
2. Các khoản giảm trừ	03		12,056,600	8,324,480	12,056,600	119,737,230
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	60,981,331,235	102,270,381,550	134,589,829,293	218,422,003,491
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49,149,440,933	85,933,109,843	109,692,717,639	183,894,303,876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11,831,890,302	16,337,271,707	24,897,111,654	34,527,699,615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	804,184,328	487,731,120	1,272,516,727	1,031,795,367
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	2,032,904,117	1,753,052,575	3,578,875,457	3,505,199,717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,630,028,062	3,329,944,526	5,205,657,774	6,158,045,541
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,973,142,451	11,742,005,726	17,385,095,150	25,896,249,724
11. Thu nhập khác	31		231,849	23,418	1,458,257,780	4,324,831
12. Chi phí khác	32		27,699	589	747,211,877	170,440
13. Lợi nhuận khác	40		204,150	22,829	711,045,903	4,154,391
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,973,346,601	11,742,028,555	18,096,141,053	25,900,404,115

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	746,927,106	1,070,187,388	1,698,710,645	2,486,929,392
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-			
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,226,419,495	10,671,841,167	16,397,430,408	23,413,474,723
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-			
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		7,226,419,495		7,226,419,495	
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.6	723	1,067.18412	1,640	2,341

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014




Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17,758,647,436	11,377,043,584
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	4,548,168,565	9,350,929,125
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1,546,883,558)	(393,338,900)
- Chi phí lãi vay	06		-	29,982,222
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20,759,932,443	20,364,616,031
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43,935,775,208	646,631,000
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,908,719,436)	(4,760,759,202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7,498,460,783	4,378,393,738
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,438,424	(63,620,359)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(29,982,222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(1,894,267,915)	(3,315,199,696)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,257,365,096)	(2,131,934,131)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64,139,254,411	15,088,145,159
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10	(1,849,142,038)	(5,341,166,202)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,454,545,455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(46,119,512,893)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	839,522,222	431,138,900
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(45,674,587,254)	(4,910,027,302)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	2,600,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3,050,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(7,832,988,000)	(7,784,298,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7,832,988,000)	(8,234,298,500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10,631,679,157	1,943,819,357
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	50,969,275,532	8,439,660,217
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	61,600,954,689	10,383,479,574

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014


Văn Thị Anh Đào
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
 Kế toán trưởng



Trương Đức Hùng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần bê tông Becamex gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông Becamex (Công ty mẹ) và Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (Công ty con) và Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình (Công ty con) (gọi chung là tập đoàn)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, khai thác,
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, cấu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cấu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu, vận chuyển hàng hóa; Cho thuê xe máy, thiết bị, khai thác khoáng sản; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Tổng số các Công ty con:** 02
Trong đó:
Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	74.66%	74.66%
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.	44.796%	44.796%

- Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 Tập đoàn có 363 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 267 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc và thiết bị	02-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-08
Tài sản cố định hữu hình khác	06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chi phí khảo sát, thiết kế thăm dò trữ lượng đá

Chi phí để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí này được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (42 năm).

Tiêu chuẩn kỹ thuật công

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

Phần mềm máy tính

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
• Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	Khen thưởng các thành viên trong ban quản lý, điều hành Công ty

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	905.788.984	141.329.625
Tiền gửi ngân hàng	40.695.165.705	17.827.945.907
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	61.600.954.689	50.969.275.532

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng thi công công trình	57.105.463.492	101.268.500.082
Các khách hàng cung cấp thành phẩm	13.107.822.424	12.654.296.736
Các khách hàng cung cấp dịch vụ	31.777.378	243.630.624
Các khách hàng cung cấp đá (Công ty con)	53.563.102.875	
Cộng	123.808.166.169	114.166.427.442

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động thi công công trình	-	
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sản xuất thành phẩm	69.575.000	302.903.915
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động cung cấp đá (Công ty con)	149.777.196	
Các nhà cung cấp khác	104.470.000	52.703.323
Cộng	323.822.196	355.607.238

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền chi hộ dầu	16.370.000	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	382.675.303	-
Các khoản phải thu khác	54.918.852	
Cộng	453.964.155	

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	66.562.504	66.562.504
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	717.864.221	717.864.221
Cộng	784.426.725	784.426.725

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	784.426.725	602.007.958
Trích lập dự phòng bổ sung		182.418.767
Số cuối kỳ	784.426.725	784.426.725

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.651.260.485	15.781.568.086
Công cụ, dụng cụ	155.406.006	100.903.545
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.311.659.919	4.512.678.432
Thành phẩm	17.172.295.484	5.939.223.209
Hàng hóa	25.314.681	35.236.394
Cộng	41.315.936.575	26.369.609.666

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.694.826.112	1.474.315.945
Chi phí dịch vụ	583.143.135	492.514.751
Cộng	4.277.969.247	1.966.830.696

8. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng của nhân viên

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.767.042.556	53.250.787.433	30.932.273.952	1.712.686.361	307.110.898	96.969.901.200
Tăng trong kỳ		568.311.455	1.194.025.300	5.0150.000		1.812.486.755
Mua sắm mới		568.311.455	1.194.025.300	50.150.000		1.812.486.755
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Hợp nhất lần đầu công ty con						63.606.022.632
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán			(4.911.464.168)			(4.911.464.168)
Chuyển sang chi phí trả trước						
Số cuối kỳ	10.767.042.556	53.819.098.888	32.126.299.252	1.762.836.361	307.110.898	157.476.946.419
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.813.105	14.404.625.460	7.532.981.683	275.766.902	-	22.225.187.150
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.318.527.075	37.676.977.292	22.339.057.670	837.945.423	74.377.166	66.246.884.626
Khấu hao trong kỳ	512.280.669	2.426.446.342	1.288.997.564	90.155.953	23.643.864	
Hợp nhất lần đầu công ty con						44.782.583.341
Giảm trong kỳ						(4.164.280.049)
Thanh lý, nhượng bán			(4.164.280.049)			(4.164.280.049)
Chuyển sang chi phí trả trước						
Số cuối kỳ	5.318.527.075	37.676.977.292	18.174.777.621	837.945.423	74.377.166	111.206.712.310
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.448.515.481	15.573.810.141	8.593.216.282	874.740.938	232.733.732	30.723.016.574
Số cuối năm	5.448.515.481	16.142.121.596	13.951.521.631	924.890.938	232.733.732	46.270.234.109
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	11.769.135.713	542.840.908	594.309.800	12.906.286.421
Tăng trong kỳ				
Điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn				
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành				
Hợp nhất lần đầu công ty con				2.822.181.901
Chuyển sang chi phí trả trước				
Số cuối kỳ	11.769.135.713	542.840.908	594.309.800	15.728.468.322
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		130.909.090	40.610.000	2.993.700.991
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.524.516.729	293.103.706	188.090.319	2.005.710.754
Tăng trong kỳ	123.429.144	43.075.758	40.139.271	206.644.173
Khấu hao trong kỳ				
Hợp nhất lần đầu công ty con				2.822.181.901
Điều chỉnh từ chi phí trả trước dài hạn				
Chuyển sang chi phí trả trước				
Số cuối kỳ	1.647.945.873	336.179.464	228.229.590	5.034.536.828
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	10.244.618.984	249.737.202	406.219.481	10.900.575.667
Số cuối kỳ	10.121.189.840	206.661.444	366.080.210	10.693.931.494
Trong đó:				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	11.450.000
Chi phí phát sinh trong kỳ	1.614.734.823
Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	(750.000.000)
Số cuối kỳ	876.184.823

12. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào: Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước, Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán,

Công ty nắm giữ 1.245.000 cổ phiếu, tương đương 12,45% vốn điều lệ của Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước.

Công ty nắm giữ 65.900 cổ phiếu, tương đương 10,98% vốn điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí dịch vụ		76.222.000	(6.351.834)	69.870.166
Công cụ, dụng cụ	339.722.151	11.682.065	(112.554.504)	238.849.712
Hợp nhất lần đầu công ty con				88.207.500
Cộng	339.722.151	87.904.065	(118.906.338)	396.927.378

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con lần đầu

Số đầu năm	973.818.771
Chi phí phát sinh trong kỳ	-
Số cuối kỳ	973.818.771

15. Tài sản dài hạn khác

Tiền ký quỹ phục hồi môi trường

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động thi công công trình	29.758.792.542	33.869.126.068
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sản xuất thành phẩm	15.814.336.324	3.271.423.170
Các nhà cung cấp liên quan đến hoạt động sản xuất đá (Công ty con)	12.510.096.085	
Các nhà cung cấp khác	4.265.882.125	5.969.491.400
Cộng	62.349.107.076	43.110.040.638

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng của hoạt động thi công công trình	903.690.768	
Các khách hàng của hoạt động cung cấp thành phẩm	133.174.935	145.629.077
Các khách hàng của hoạt động sản xuất đá (Công ty con)	166.508.972	
Cộng	1.203.374.675	145.629.077

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.025.386.934	3.278.467.567	(3.752.324.193)	551.530.308
Thuế thu nhập doanh nghiệp	942.484.376	1.698.710.645	(1.894.267.915)	746.927.106
Thuế thu nhập cá nhân	128.898.052	293.629.912	(153.274.372)	269.253.592
Các loại thuế khác	-	9.389.505	(9.389.505)	
Thuế còn phải nộp tại Công ty con				945.057.244
Cộng	2.096.769.362	5.280.197.629	(5.809.255.985)	2.512.768.250

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Việc ưu đãi trên chỉ áp dụng cho Công ty cổ phần bê tông Becamex (Công ty mẹ). Các Công ty con trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.973.346.601	11.742.028.555
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(337.493.617)	
Thu nhập tính thuế	7.635.852.984	11.742.028.555
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	6.434.210.689	10.658.970.004
- Thu nhập hoạt động không được ưu đãi (thuế suất 22%)	1.201.642.295	1.083.058.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.679.887.656	2.935.507.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(932.960.550)	(186.5319.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	746.927.106	1.070.187.388

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19. Phải trả người lao động**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả công nhân viên	1.805.227.028	1.795.954.761
Phải trả công nhân viên (Công ty con)	691.435.069	
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	138.189.774	42.061.352
Cộng	2.634.851.871	1.838.016.113

20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ	1.909.253.282	166.309.091
Chi phí khuyến mãi		214.000.000
Phí cải tạo phục hồi môi trường	2.043.572.400	
Lương bổ sung	879.608.755	
Chi phí phải trả khác	1.306.675.068	
Cộng	6.139.109.505	380.309.091

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	345.708.002	68.500.079
Nhận ký quỹ ngắn hạn	57.000.000	57.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	470.528.048	413.499.951
Cổ tức phải trả	22.217.773.000	8.010.000
Phải trả Tổng Công ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp – TNHH Một Thành Viên mua cổ phần của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	
Vật tư, phụ tùng tạm nhập chưa có chứng từ (Công ty con)	1.607.950.696	
Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng (Công ty con)	691.612.790	
Các khoản phải trả khác	298.529.667	719.702.653
Cộng	27.336.602.203	1.266.712.683

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	651.482.108	2.255.304.061	(2.897.982.501)	8.803.668
Quỹ phúc lợi	34.313.542	153.686.458	(188.000.000)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	171.382.595	-	(171.382.595)	-
Cộng	857.178.245	2.408.990.519	(3.257.365.096)	8.803.668

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 7.832.988.000 VND (năm trước là 40.019.650.000 VND)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Phát sinh từ việc hợp nhất lần đầu	6,168,365,707	6,168,365,707
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	-	-
Giảm khác	-	-
Vốn đầu tư trong kỳ	15,204,000,000	
Các quỹ trong kỳ	603,111,382	
Lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	1,065,284,541	
Số cuối kỳ	23,040,761,630	6,168,365,707

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Quý II**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	60.993.387.835	102.278.706.030
- Doanh thu bán thành phẩm	23.372.570.016	17.272.011.513
- Doanh thu thi công công trình	36.660.139.995	84.781.774.690
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	960.677.824	224.919.827
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(12.056.600)	(8.324.480)
Doanh thu thuần	60.981.331.235	102.270.381.550
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	23.360.513.416	17.263.687.033
- Doanh thu thuần thi công công trình	36.660.139.995	84.781.774.690
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, hàng hóa	960.677.824	224.919.827

2. Giá vốn hàng bán**Quý II**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	17.373.245.905	13.795.904.643
Giá vốn của thi công công trình	30.987.245.733	71.947.585.990
Giá vốn của dịch vụ, hàng hoá đã cung cấp	788.949.295	189.619.210
Cộng	49.149.440.933	85.933.109.843

3. Doanh thu hoạt động tài chính**Quý II**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	417.500.000	398.875.001
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	49.190.711	88.856.119
Lợi thế thương mại	337.493.617	
Cộng	804.184.328	487.731.120

4. Chi phí bán hàng**Quý II**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	810.984.950	712.579.966
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	783.772.534	606.581.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.313.684	104.534.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.839.961	208.414.579
Chi phí khác	93.992.988	120.941.866
Cộng	2.032.904.117	1.753.052.575

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**Quý II**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.232.625.321	1.831.863.896
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.370.544	48.037.472

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	269.083.624	297.434.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	643.303.871	661.137.305
Chi phí khác	402.644.702	491.471.472
Cộng	2.630.028.062	3.329.944.526

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.226.419.495	10.671.841.167
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	723	1.067

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.265.309.346	50.146.995.815
Chi phí nhân công	6.320.406.235	6.228.810.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.176.057.095	3.007.808.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.247.538.099	2.358.114.938
Chi phí khác	723.381.817	906.425.599
Cộng	55.732.692.592	62.648.155.853

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	313.954.500	307.366.268
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	16.401.990	13.344.175
Tiền thưởng	211.234.095	100.690.500
Cộng	541.590.585	421.400.943

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Setia Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Trường đại học quốc tế Miền Đông	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Quý II

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Cung cấp dịch vụ	25.115.975	129.454.968
Bán thành phẩm	19.137.319.100	14.815.616.000
Bán hàng hóa	247.389.360	
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	25.646.642.898	72.929.433.371
Phí quản lý	61.177.700	60.678.703
Tiền thuê đất	102.587.782	101.126.363
Tiền thuê xe		60.678.703
Bán đá thành phẩm	8.745.457.133	
Mua cổ phần của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Bán thành phẩm	111.036.600	
Bán hàng hóa	3.576.300	
Mua nguyên vật liệu	920.220.141	
Bán đá thành phẩm	3.827.356.562	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý II	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán thành phẩm	187.164.300	294.780.050
Bán hàng hoá	15.807.000	
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	804.114.746	1.781.861.854
Cung cấp dịch vụ		559.200
Bán đá thành phẩm	131.292.400	
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Thi công công trình		
Bán thành phẩm	11.300.250	4.434.456
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Bán hàng hoá	580.000	
Doanh thu thi công công trình	13.366.831	
Bán thành phẩm	13.329.600	
Mua nguyên vật liệu	387.637.379	
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	12.000.000	
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Bán thành phẩm		
Bán hàng hóa		
Mua nguyên vật liệu	387.637.379	
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Phí tư vấn	20.000.000	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Thi công công trình	37.362.486.708	79.725.990.657
Bán thành phẩm	8.451.346.805	9.558.987.823
Cung cấp dịch vụ	27.627.573	203.351.799
Cung cấp đá	38.786.989.497	
<i>Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Becamex</i>		
Bán thành phẩm	30.004.074	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Thi công công trình	12.572.256.856	14.271.590.205
Bán thành phẩm	446.374.144	633.351.468
Cung cấp đá	3.826.138.722	-
Bán hàng hoá		-
<i>Công ty cổ phần Setla Becamex</i>		
Thi công công trình	105.645.351	747.770.609
<i>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</i>		
Bán thành phẩm	7.196.475	12.037.740
Cung cấp dịch vụ		11.016.625
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Bán thành phẩm	154.143.660	346.976.740
Cung cấp đá	4.950.500.249	
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Cung cấp đá	2.204.770.284	
Cộng nợ phải thu	<u>108.925.480.398</u>	<u>105.511.073.666</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Phí quản lý	44.958.831	44.683.854
Tiền thuê đất	112.846.560	111.656.754
Phí thuê xe		29.906.292
Mua xe cộ	539.000.000	
Vận chuyển đá	121.032.800	
Mua cổ phần của Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	1.647.500.000	
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Mua nguyên vật liệu	1.012.242.155	45.980.000
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	13.200.000	51.404.000
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Mua nguyên vật liệu	359.144.117	618.587.530
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	426.401.117	493.815.141

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất</i>		
Phí tư vấn	20.000.000	
Cộng nợ phải trả	4.297.973.080	1.396.033.571

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.600.954.689	-	-	-	61.600.954.689
Phải thu khách hàng	123.385.212.657	-	-	422.953.512	123.808.166.169
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.097.500.000	-	-	-	14.097.500.000
Cộng	199.083.667.346			422.953.512	199.506.620.858
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.969.275.532	-	-	-	50.969.275.532
Phải thu khách hàng	113.353.473.930	-	-	812.953.512	114.166.427.442
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.450.000.000	-	-	-	12.450.000.000
Cộng	176.772.749.462			812.953.512	177.585.702.974

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.600.954.689		50.969.275.532	-	61.600.954.689	50.969.275.532
Phải thu khách hàng	123.808.166.169	(784.426.725)	114.166.427.442	(784.426.725)	123.023.739.444	113.382.000.717
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.097.500.000		12.450.000.000	-	14.097.500.000	12.450.000.000
Cộng	<u>199.506.620.858</u>	<u>(784.426.725)</u>	<u>177.585.702.974</u>	<u>(784.426.725)</u>	<u>198.722.194.133</u>	<u>176.801.276.249</u>

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	62.349.107.076	43.110.040.638	62.349.107.076	43.110.040.638
Các khoản phải trả khác	26.990.894.201	1.578.521.695	26.990.894.201	1.578.521.695
Cộng	<u>89.340.001.277</u>	<u>44.688.562.333</u>	<u>89.340.001.277</u>	<u>44.688.562.333</u>

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014


Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng


Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D_3_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, P. Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	29,733,880,816	12,929,797,589	53,851,615,045	207,097,948,581
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	34,276,518,940	34,276,518,940
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(40,000,000,000)	(40,000,000,000)
Phân phối các quỹ trong năm trước	-	-	-	3,427,651,894	1,713,825,947	(8,740,512,330)	(3,599,034,489)
Số dư cuối năm trước	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	33,161,532,710	14,643,623,536	39,387,621,655	197,775,433,032
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	33,161,532,710	14,643,623,536	39,387,621,655	197,775,433,032
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	16,397,430,408	16,397,430,408
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(30,000,000,000)	(30,000,000,000)
Tận trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2,408,990,519)	(2,408,990,519)
Số dư cuối năm nay	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	33,161,532,710	14,643,623,536	23,376,061,544	181,763,872,921

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014



(Signature)

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

(Signature)

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu

Trương Đức Hùng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Các khoản loại trừ
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23,360,513,416	36,660,139,995	960,677,824	60,981,331,235
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,360,513,416	36,660,139,995	960,677,824	60,981,331,235
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5,987,267,511	5,672,894,262	171,728,529	11,831,890,302
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(4,662,932,179)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	7,168,958,123
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	804,184,328
Chi phí tài chính	-	-	-	231,849
Thu nhập khác	-	-	-	(27,699)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(746,927,106)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,987,267,511	5,672,894,262	171,728,529	7,226,419,495
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	457,211,455	750,000,000	-	1,207,211,455
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	800,733,615	1,151,571,791	-	1,952,305,406
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				Đơn vị tính: VND	
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17,263,687,033	84,781,774,690	224,919,827	-	102,270,381,550
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17,263,687,033	84,781,774,690	224,919,827	-	102,270,381,550
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	3,467,782,390	12,834,188,700	35,300,617	-	16,337,271,707
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(5,082,997,101)
Doanh thu hoạt động tài chính					11,254,274,606
Chi phí tài chính					487,731,120
Thu nhập khác					-
Chi phí khác					23,418
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(589)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1,070,187,388)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	115,222,579	92,660,645	-	-	10,671,841,167
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	207,883,224

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014



Vân Thị Anh Đào
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Số cuối kỳ	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Đã thành phẩm	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	37,695,074,707	85,450,662,936	57,092,059	92,503,115,968	-	215,705,945,670
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	91,283,306,129
Tổng tài sản	16,769,113,258	31,756,791,642	-	22,220,921,103	-	306,989,251,799
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	70,746,826,003
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	31,437,791,245
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	102,184,617,248
Số đầu năm	36,418,756,041	130,565,179,523	299,223,514	-	-	167,283,159,078
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	80,186,929,163
Tổng tài sản	3,795,965,566	34,978,042,297	417,741,376	-	-	247,470,088,241
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	39,191,749,239
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	10,502,905,970
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	49,694,655,209

Bình Dương, ngày 12 tháng 8 năm 2014



(Signature)

Nguyễn Thị Thúy Vân
Kế toán trưởng

(Signature)

Văn Thị Anh Đào
Người lập biểu